TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PA
TỈNH GIA LAI

Bản án số: 31/2018/HS-ST
Ngày 09 - 10 - 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toản.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ksor Djơn và bà Phan Thị Mỹ Lệ

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Quản Thu Hằng - Thư ký Toà án, Toà án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà*:** bà Huỳnh Thị Liệu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. H; sinh năm 1992 tại huyện K, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: buôn H, xã N, huyện K, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; Dân tộc: Jrai; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông T và bà H'B; Có chồng là anh G và 02 con, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và có mặt tại phiên tòa.

2. B; sinh năm 1978 tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nơi cư trú: thôn T, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông T và bà N (đã chết); Có vợ là chị Y và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo H:*

+ Bà P - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

** Người bị hại:*

+ Ông B1, sinh năm 1973;
Địa chỉ: buôn T, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

+ Ông S, sinh năm 1965;
Địa chỉ: buôn D, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh G, sinh năm 1997;
Địa chỉ: buôn H, xã N, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

+ Ông T, sinh năm 1973;
Địa chỉ: buôn H, xã N, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

+ Ông D, sinh năm 1974;
Địa chỉ: thôn T, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chị Y, sinh năm 1981;
Địa chỉ: thôn T, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên. Có mặt

** Người làm chứng:*

+ Ông D, sinh năm 1929;
Địa chỉ: buôn T, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh T1, sinh năm 1987;
Địa chỉ: thôn T, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người phiên dịch tiếng Jrai:*

+ Anh T2, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 02/2018, thấy khu rẫy thuộc buôn M, xã I có một số hộ dân nuôi bò, ban đêm thường không có người trông coi. H nảy sinh ý định bắt trộm bò bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 14 giờ ngày 24/02/2018, thấy số điện thoại mua bò 0168.668.5054 của B viết lên bảng và treo ở buôn H, xã N, H gọi điện thoại cho B nói có hai con bò bán với giá 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng, B đồng ý mua. Sau khi hẹn trước địa điểm với B, khoảng 17 giờ cùng ngày H điều khiển xe mô tô BKS 81N1-11230 mượn của ông T đến gần khu vực chòi rẫy nhà ông S ở buôn C, xã I rồi đi vào trong chuồng bò nhà ông S dắt 02 con bò đực ra hướng đường bê tông.

B điều khiển xe mô tô BKS 78H2- 4919 mượn của anh D đến trước một căn chòi căng bạt thuộc buôn C, xã I thì gặp H đang dắt 02 con bò từ hướng trong rẫy

ra. Thấy 02 con bò hoảng loạn có vẻ muốn bỏ chạy, B lấy 02 sợi dây thừng mang theo cột thêm vào cổ 02 con bò thì 02 con bò kéo dây chạy mất. Sau khi bò chạy thoát H không đuổi theo bò về chuồng mà bỏ mặc, rồi cùng B đi về luôn. Lúc này B thấy việc H bán bò vào buổi tối ở khu vực xa khu dân cư với thái độ lén lút, bán 02 con bò đực to với giá rẻ hơn nhiều so với giá thị trường nên B khẳng định H không phải chủ bò mà hai con bò trên là bò trộm cắp mà có.

Mặc dù biết rõ H đã trộm cắp bò đem đi bán nhưng vì muốn mua bò giá rẻ nên B đã nói với H: nếu bắt lại được bò thì gọi điện cho B quay lại mua và chở đi ngay. Sau khi nói xong thì B lái xe môtô đi về nhà. Nghe B nói thế, H hiểu nếu H dắt trộm được bò nữa thì gọi cho B, B sẽ mua và chở đi luôn, sẽ không ai phát hiện nên H đến chuồng bò nhà anh B1 ở cách đó 800 mét, tháo dây dắt tiếp 02 con bò, gồm 01 con bò đực và 01 con bò cái đến chỗ đường bê tông sau đó cột 02 con bò vào một gốc cây bạch đàn ven đường. Đi được 30 phút, B nhận được điện thoại của H nói bắt được bò rồi B quay lại mua. B lập tức gọi điện cho T1, là lái xe chở hàng thuê rồi quay lại chỗ H đưa cho H số tiền 5.700.000 đồng và dắt bò lên xe anh T1 chở về nhà B ở xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên. Sau khi bị phát hiện mất bò, gia đình anh B1 đã tổ chức đi tìm và phát hiện 02 con bò của gia đình tại chuồng bò của B nên báo Công an xử lý.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐG ngày 26/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Krông Pa kết luận: 01 con bò đực nặng 200kg, giống bò địa phương có giá 18.000.000 đồng; 01 con bò đực nặng 170kg, giống bò địa phương có giá 15.300.000 đồng. Tổng số tài sản bị xâm phạm có giá: 33.300.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 30 /KL-HĐĐG ngày 26/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Krông Pa kết luận: 01 con bò đực nặng 240kg, giống bò địa phương có giá 21.600.000 đồng; 01 con bò cái nặng 150kg, giống bò địa phương có giá 12.000.000 đồng. Tổng số tài sản bị xâm phạm có giá: 33.600.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về các kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

01 điện thoại di động Nokia màu xanh – đen cùng sim số 0122.350.7234 và xe mô tô BKS 81N1 -11230 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K không thu giữ của chủ sở hữu là ông T.

01 xe mô tô BKS 78H2-4919 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K cũng không thu giữ của chủ sở hữu là anh D.

Tại bản cáo trạng số 26/CT -VKS ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173, bị cáo B về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi tắt là: BLHS 2015).

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Bị hại có quan điểm đề nghị HĐXX xử phạt các bị cáo H và bị cáo B theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo H và bị cáo B về tội "Trộm cắp tài sản", đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX):

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của BLHS 2015: Xử phạt bị cáo H từ 24 đến 28 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của BLHS 2015: Xử phạt bị cáo B từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng. Phạt bổ sung bị cáo B 5.000.000 đồng.

Tịch thu tiêu hủy 02 sợi dây thừng, 01 thẻ sim, tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Thủ tục tố tụng:

Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố thì bị cáo H là người dân tộc thiểu số đã yêu cầu được trợ giúp pháp lý theo quy định nên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia lai đã cử bà P tham gia tố tụng để bào chữa cho bị cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa thì bà P vắng mặt không có lý do, đồng thời bị cáo H cũng có ý kiến là không yêu cầu bà P phải bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa nữa, bị cáo sẽ tự mình bào chữa cho mình. Do đó, căn cứ vào Điều 291 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 HĐXX quyết định tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Sau khi gọi điện thoại cho bị cáo B, được bị cáo B đồng ý mua bò thì vào khoảng 14 giờ ngày 24/02/2018, bị cáo H lén lút dắt trộm 02 con bò đực của ông S đem ra bán cho bị cáo B, nhưng chưa kịp bán thì 02 con bò kéo dây chạy mất, lúc này bị cáo B không biết là bò do bị cáo H trộm cắp. Nhưng sau khi bò chạy mất thấy việc bị cáo H bán bò vào buổi tối ở khu vực xa khu dân cư với thái độ lén lút, bán 02 con bò đực to với giá rẻ hơn nhiều so với giá thị trường nên bị cáo B biết bị cáo H không phải chủ bò mà 02 con bò trên là bò trộm cắp mà có.

Nên B đã nảy sinh lòng tham, hứa hẹn trước với bị cáo H nếu bắt lại được bò thì gọi điện cho B quay lại mua và chở đi ngay. Nghe B hứa hẹn, bị cáo H tiếp tục đến chuồng bò nhà anh B1 ở cách đó 800 mét, lén lút dắt trộm 02 con bò và gọi điện thoại lại cho bị cáo B đến mua. Bị cáo B đưa cho bị cáo H số tiền 5.700.000 đồng và dắt bò lên xe đã thuê trở đi. Sau khi bị phát hiện mất bò, gia đình anh B1 đã tổ chức đi tìm và phát hiện 02 con bò của gia đình tại chuồng bò của bị cáo B nên báo Công an xử lý.

Như vậy, tài sản mà bị cáo H đã 02 lần trộm cắp 04 con bò của ông S và anh B1 có trị giá là 33.300.000 đồng + 33.600.000 đồng = 66.900.000 đồng. Bị cáo B trộm cắp 01 lần cùng với H trộm 02 con bò của anh B1 có trị giá 33.600.000 đồng.

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo H và B với động cơ, mục đích tư lợi cá nhân, đã xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân.

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung của bản cáo trạng, lời khai của bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo H phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của BLHS 2015; bị cáo B phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của BLHS 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa truy tố các bị cáo về hành vi theo tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo H trộm cắp tài sản tổng các lần trị giá trên 50.000.000 đồng nên bị xét xử ở điểm c khoản 2 Điều 173 của BLHS 2015. Còn bị cáo B tổng tài sản trộm cắp dưới 50.000.000 đồng nên bị xét xử ở khoản 1 Điều 173 của BLHS 2015.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Bị cáo H và B là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi nguy hiểm và gây hậu quả xấu cho xã hội làm mất an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Xét về tính chất vụ án tuy có nhiều người cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự thống nhất, bàn bạc trước, không có sự tổ chức câu kết chặt chẽ với nhau, không phân công công việc cụ thể cho nhau, không

lên kế hoạch thực hiện, không có người chỉ huy, cầm đầu nên đây là loại đồng phạm giản đơn. Nay cần xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để cá thể hóa hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo là điều cần thiết.

[5.1] Bị cáo H là người một mình, trực tiếp khởi xướng và thực hiện rất tích cực lần trộm cắp tài sản thuộc sở hữu của ông Sét, nhưng chưa kịp bán thì bò chạy mất. Sau đó nghe bị cáo B hứa hẹn trước nên đã tiếp tục trộm cắp tài sản là 02 con bò của anh B1 nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự chính trong vụ án này. Bị cáo H có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS 2015 được áp dụng cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS 2015 được áp dụng cho bị cáo.

Ngoài ra bị cáo H là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn của huyện K, trình độ hiểu biết pháp luật hạn chế, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS 2015 được áp dụng cho bị cáo H.

[5.2] Đối với lần mà bị cáo H trộm bò của ông S bán thì bị cáo B không biết là tài sản do trộm cắp mà có nên bị cáo B không phải chịu trách nhiệm hình sự cùng với H là phù hợp quy định pháp luật. Còn lần thứ hai thì bị cáo B đã là người hứa hẹn trước với bị cáo H về việc mua tài sản trộm cắp nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự trong lần phạm tội này cùng H với vai trò đồng phạm giúp sức. Tuy nhiên, bị cáo B chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bồi thường thiệt hại cho bị hại, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS 2015 được áp dụng cho bị cáo.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thì HĐXX thấy tình hình thực tế hiện nay trên địa bàn huyện Krông Pa nói thì loại tội phạm trộm cắp tài sản ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp. Bị cáo H là người chủ mưu cũng là người thực hành phạm tội tích cực, nhiều lần nên thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo là xử phạt bị cáo hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định. Còn bị cáo B là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, mang tính bộc phát nhất thời. Nên có đủ điều kiện để xử bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách theo quy định tại Điều 65 của BLHS 2015, Nghị quyết số 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của BLHS 2015 về

án treo, mà không cần phải cách ly bị cáo B ra khỏi đời sống cộng đồng xã hội. Nhưng vẫn đảm bảo tính giáo dục, cải tạo, trừng trị nói riêng đối với bị cáo, tính răn đe phòng ngừa chung cho xã hội tại địa phương.

Xét lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, mức hình phạt là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về vấn đề liên quan khác: 01 điện thoại di động Nokia màu xanh –đen cùng sim số 0122.350.7234 cùng xe mô tô BKS 81 N1 - 11230 mà bị cáo H sử dụng gọi cho bị cáo B, làm phương tiện đi trộm cắp tài sản là tài sản thuộc sở hữu của ông T, ông T không biết bị cáo sử dụng vào việc trộm cắp bò và 01 xe mô tô BKS 78H2 - 4919 thuộc sở hữu của anh D mà bị cáo B mượn đi, anh D không biết bị cáo B sử dụng vào việc trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K không thu giữ của ông T và anh D là phù hợp quy định pháp luật. Nay HĐXX không đề cập đến.

[7] Về hình phạt bổ sung: Trong quá trình điều tra xác định hoàn cảnh gia đình bị cáo H có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có tài sản gì có giá trị nên HĐXX thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp. Còn bị cáo B có nghề nghiệp ổn định và hoàn cảnh kinh tế bình thường nên HĐXX thấy cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để tăng cường tính giáo dục đối với các bị cáo và bổ trợ cho hình phạt chính là phù hợp quy định pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt được của ông S và anh B1 đã được thu giữ và trả lại cho các bị hại xong, bị cáo B cũng đã bồi thường cho bị hại anh B1 1.000.000 đồng, tại phiên tòa bị hại ông S, anh B1 cũng không có yêu cầu gì khác nên HĐXX không xem xét đề cập đến nữa.

Đối với số tiền 5.700.000 đồng mà bị cáo B đã đưa cho bị cáo H là tiền của vợ chồng bị cáo B, vợ bị cáo B là chị Y không có yêu cầu gì. Nên cần tịch thu của bị cáo H để sung quỹ Nhà nước. Anh D có đơn xin xét xử vắng mặt cũng không có ý kiến gì.

[09] Về vật chứng vụ án: 02 chiếc dây thừng màu trắng có đốm đỏ dài 3m, 01 thẻ sim số 0168.668.5054 là công cụ phương tiện phạm tội không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy. Còn 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu xanh-đen là phương tiện phạm tội có giá trị nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đặc điểm chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/8/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

[10] Về án phí: Buộc các bị cáo H và B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo H và bị cáo B phạm tội *"Trộm cắp tài sản",*

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của BLHS 2015:

Xử phạt bị cáo H 24 *(Hai mươi bốn)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt để thi hành án.

2. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của BLHS 2015:

Xử phạt bị cáo B 12 *(Mười hai)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 *(Hai mươi bốn)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 09/10/2018.

Giao người được hưởng án treo B cho UBND xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ Điều 35, khoản 5 Điều 173 của BLHS 2015, xử phạt bổ sung bị cáo B 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)* để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu xanh-đen.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 chiếc dây thừng màu trắng có đốm đỏ dài 3m và 01 thẻ sim số 0168.668.5054.

Đặc điểm chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/8/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

- Truy thu của bị cáo H số tiền 5.700.000 đồng *(Năm triệu bảy trăm nghìn đồng)* để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Căn cứ vào Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo H, B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/10/2018), còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Toà án Nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. Krông Pa;
- Công an h. Krông Pa;
- Bị cáo;
- Bị hại, người có QL&NVLQ;
-Chi cục THADS h. Krông Pa;
-Lưu HS vụ án, THA hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đỗ Khắc Toản